

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GR  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 9 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khắc Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị Q**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Văn N**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị Q trình bày:*

*- Về hôn nhân:* Bà và ông Lâm Văn N chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống bà và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà và ông N có 01 con chung tên Lâm Kim N sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993. Do con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông N tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lâm Văn N trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Lý Thị Q về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân bà Q yêu cầu ly hôn. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q.

- *Về con chung*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Q về con chung. Do con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông và bà Q tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông và bà Q không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

*Về việc giải quyết vụ án*: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Lý Thị Q và ông Lâm Văn N là vợ chồng. Về con chung: Do con chung tên Lâm Kim N sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng*:

[2] Nguyên đơn bà Lý Thị Q khởi kiện bị đơn ông Lâm Văn N có địa chỉ tại Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bà Q và ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q và ông N.

*Về nội dung:*

[4] Về hôn nhân: Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Q và ông Lâm Văn N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thực tế bà Q và ông N đã sống chung với nhau như vợ chồng và nay bà Q có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Q và ông N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Q và ông N có 01 con chung tên Lâm Kim N sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993, do con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Do bà Q và ông N tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do bà Q và ông N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Q đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003672 ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lý Thị Q và ông Lâm Văn N là vợ chồng.
2. Về con chung: Do con chung tên Lâm Kim N sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị Q và ông Lâm Văn N thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lý Thị Q và ông Lâm Văn N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lý Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lý Thị Q đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003672 ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Lâm Văn N không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- CCTHADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Kim Nhi**